

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Dân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hồ và ông Doãn Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Phúc- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom- tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom- tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 593/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2018 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972;

2. Bị đơn: Anh Đỗ Bích T, sinh năm 1968.

Cùng trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị C có mặt, anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị C trình bày:

Chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Bích T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 16/12/2002 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau; anh T không hiểu và quan tâm đến chị C nên làm cho tình cảm vợ chồng nguội lạnh dần, không nói chuyện với nhau trong nhiều tháng và không quan tâm đến nhau. Sự việc trên đã diễn ra trong thời gian dài làm cho tình cảm của vợ chồng đối với nhau không còn nữa. Do mâu thuẫn quá trầm trọng, cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt nên từ tháng 07 năm 2018 đến nay, chị Chính đã dọn ra ngoài sống riêng. Nay tình cảm của chị C đối với anh T không còn nữa nên chị C cương quyết xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Anh T, sinh

ngày 22/5/2004, hiện đang sống cùng anh T và cháu Đỗ Nguyễn Anh T, sinh ngày 27/9/2009, hiện đang sống cùng chị C. Khi ly hôn, chị C muốn được trực tiếp nuôi cả 02 con, nhưng do cháu T hiện đang sống cùng anh T và cháu T cũng muốn được tiếp tục sống cùng anh T nên chị C đồng ý để anh T trực tiếp nuôi cháu T, chị C xin trực tiếp nuôi cháu T; các bên không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- **Ý kiến của bị đơn, anh Đỗ Bích T:** Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, anh T không nộp bản tự khai. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T tới trụ sở Tòa án để lấy lời khai và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án cũng đã phối hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà gặp anh T để lấy lời khai nhưng anh T cũng không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị C và không cung cấp lời khai.

- **Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:**

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh T; giao cho anh T trực tiếp nuôi cháu T, chị Chính trực tiếp nuôi cháu T; các bên không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ giữa chị C và anh T là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trầm trọng phát sinh từ năm 2016 nên vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ tháng 7/ 2018 đến nay. Anh T đã nhiều lần được Tòa án triệu tập tới để hòa giải nhưng đều vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị C được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T có 02 con chung là cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 22/5/2004 (hiện đang sống cùng anh T) và Đỗ Nguyễn Anh T, sinh ngày 27/9/2009 (hiện đang sống cùng chị C). Khi ly hôn, chị C xin trực tiếp nuôi

cháu T và đồng ý để anh T trực tiếp nuôi cháu T. Xét thấy yêu cầu này của chị C thì thấy phù hợp với ý kiến của các con chung và cũng phù hợp với nơi ở thực tế hiện nay của các cháu nên cần chấp nhận. Do các đương sự không yêu cầu nên tạm thời hai bên không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn với anh Đỗ Bích T.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Nguyễn Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đỗ Nguyễn Anh T, sinh ngày 27/9/2009; giao cho anh Đỗ Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Đỗ Anh T, sinh ngày 22/5/2004.

- Tạm thời chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Bích T không phải đóng góp cho nhau tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị Nguyễn Thị C và anh Đỗ Bích T.

- Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 000833 ngày 09/ 8/ 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho chị Nguyễn Thị C biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Bích T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- UBND xã S (*Nơi đăng ký kết hôn ngày 16/12/2002, số 137/2002, quyển số 01*);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Mạnh Dân

Mẫu 52-DS